TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2017/DS-ST Ngày 25-7-2017 "V/v tranh chấp đòi lại tài sản trong hợp đồng dịch vụ"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Dũ.

2. Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149A/2016/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2016 về "Tranh chấp đòi lại tài sản trong hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn X, sinh năm: 1950.

Địa chỉ: Ấp C, xã S, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Phan Văn B, sinh năm: 1955;

2.2. Ngô Thị B, sinh năm: 1963;

2.3. Phan Thị T, sinh năm: 1981;

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn Phan Văn B, Ngô Thị B: Phan Thị T (con ông B, bà B), sinh năm: 1981 (Theo các văn bản ủy quyền ngày 19-7-2016, ngày 27-4-2017, ngày 27-4-2017).

2.4. Phạm Tấn H, sinh năm: 1977;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã G, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

2.5. Nguyễn Văn L, sinh năm: 1971;

2.6. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985;

2.7. Nguyễn Văn C, sinh năm: 1974;

2.8. Trần Văn N, sinh năm: 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

2.9. Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

2.10. Đặng Văn C, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tổ hợp tác E ấp Đ, xã H.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1965, chức vụ: Tổ trưởng Tổ hợp tác E ấp Đ, xã H; Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người làm chứng: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông X, chị T, ông Đ có mặt, ông T (người làm chứng) vắng mặt,
các đương sự còn lại đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn các khởi kiện cùng ngày 21 tháng 6 năm 2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27 tháng 12 năm 2016 và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng, cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn Nguyễn Văn X:

Vào các vụ mùa Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 tuy ông X không có ký hợp đồng bơm tiêu với các bị đơn do diện tích đất các bị đơn canh tác thuộc diện chạy nước tư, nhưng do nước tiêu xả từ ruộng của các bị đơn thoát xuống đường nước tiêu của ông X nên chính ông là người phục vụ bơm tiêu cho diện tích đất các bị đơn canh tác. Vì vậy ông X khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền phục vụ bơm tiêu cho ông, cụ thể như sau:

- Ông Phan Văn B: diện tích là 8.551m^2, giá là 140.000 đồng/1.000m^2, thành tiền mỗi vụ 1.197.140 đồng, vậy 03 vụ là 3.591.420 đồng, không yêu cầu tính lãi (đã rút yêu cầu khởi kiện ông Phan Văn B vụ Thu Đông năm 2015).

- Ông Phạm Tấn H: diện tích là 38.880m^2 (tương đương 30 công tầm cắt), giá là 140.000 đồng/1.000m^2, thành tiền mỗi vụ 5.443.200 đồng, vậy 03 vụ là 16.329.600 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ông Nguyễn Văn L: diện tích là 11.500m^2, giá là 140.000 đồng/1.000m^2, thành tiền mỗi vụ 1.610.000 đồng, vậy 03 vụ là 4.830.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ông Nguyễn Văn T: diện tích là 14.774m^2, giá là 140.000 đồng/1.000m^2, thành tiền mỗi vụ 2.068.360 đồng, vậy 03 vụ là 6.205.080 đồng, làm tròn là 6.205.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ông Nguyễn Văn C: diện tích là 10.894m^2, giá là 140.000 đồng/1.000m^2, thành tiền mỗi vụ 1.525.160 đồng, vậy 03 vụ là 4.575.480 đồng, làm tròn là 4.575.000 đồng , không yêu cầu tính lãi.

- Ông Trần Văn N: diện tích là 6.000m^2, giá là 140.000 đồng/1.000m^2, thành tiền mỗi vụ 840.000 đồng, vậy 03 vụ là 2.520.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ông Nguyễn Văn Đ: diện tích là 18.000m^2, giá là 140.000 đồng/1.000m^2, thành tiền mỗi vụ 2.520.000 đồng, vậy 02 vụ (vụ Thu Đông các năm 2008 và 2010, không có vụ Thu Đông năm 2011) là 5.040.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ông Đặng Văn C diện tích là 38.000m^2, giá là 140.000 đồng/1.000m^2, thành tiền mỗi vụ 5.320.000 đồng, vậy 03 vụ là 15.960.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Và sau khi kiện, ông X biết được tiền phục vụ bơm tiêu vụ các mùa Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 thì các bị đơn trên đã trả cho bà Ngô Thị B ở vụ mùa Thu Đông năm 2008, chị Phan Thị T ở vụ mùa Thu Đông các năm 2010, 2011, nên ông X khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Ngô Thị B và chị Phan Thị T liên đới cùng các bị đơn có nghĩa vụ trả cho ông tổng số tiền phục vụ bơm tiêu ở các vụ mùa Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 như nêu trên là 59.051.020 đồng.

Theo lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng của các bị đơn Phan Văn B (đại diện theo ủy quyền là Phan Thị T), Phạm Tấn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Trần Văn N, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn C tại hồ sơ: Các bị đơn thừa nhận các vụ mùa Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 các bị đơn có canh tác đúng diện tích, đúng vị trí đất như ông X đã trình bày, nhưng diện tích đất các bị đơn canh tác không có dính vào diện đất của ông X hợp đồng bơm tiêu, và đất của các bị đơn là do bà Ngô Thị B phục vụ bơm tiêu vụ Thu Đông năm 2008 và chị Phan Thị T (con bà B) phục vụ bơm tiêu các vụ Thu Đông năm 2010, 2011 nên các bị đơn đã trả tiền bơm tiêu đầy đủ cho bà B và chị T, giá trả tiền bơm tiêu là 140.000 đồng/1.000m^2. Nay các bị đơn không đồng ý với yêu cầu của ông X, đối với việc trả tiền cho bà B, chị T thì các bị đơn không tranh chấp.

Theo lời trình bày của bị đơn Phan Thị T (đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ngô Thị B) trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa: Thừa nhận có nhận tiền công bơm tiêu của các bị đơn ở các vụ mùa Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 như các bị đơn đã trình bày, trong đó bà Ngô Thị B có phục vụ bơm tiêu cho các bị đơn vào vụ mùa Thu Đông năm 2008, còn chị T phục vụ các vụ mùa Thu Đông năm 2010, 2011. Về diện tích đất canh tác của các bị đơn, giá phục vụ bơm tiêu và số tiền các bị đơn trả cho bà B và chị T từng vụ mùa và số tiền tổng cộng 03 vụ mùa thì bằng với số tiền mà hiện nay ông X yêu cầu các bị đơn, bà B và chị T liên đới trả cho ông X, việc nhận tiền của các bị đơn là vì diện đất của các bị đơn (trong đó có đất của bà B và chị T) không vào tổ hợp tác E nên bà B, chị T mới đầu tư máy và đường nước tưới, tiêu cho diện tích đất này. Nay với yêu cầu của ông X thì chị T (đại diện cả cho

bà B) không đồng ý, vì ông X không có phục vụ, mà bà B, chị T phục vụ nên thu tiền của các bị đơn là đúng.

Theo lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổ hợp tác E ấp Đ, xã H là ông Nguyễn Văn Đ (hiện là Tổ trưởng Tổ hợp tác E ấp Đ): Các vụ mùa Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 thì diện tích đất mà các bị đơn canh tác nêu trên chưa tham gia vào Tổ hợp tác E, ấp Đ, xã H, nên Tổ hợp tác không có quản lý và cũng không có đại diện ký hợp đồng bơm tiêu diện đất của các bị đơn với ông X. Kể từ vụ Thu Đông năm 2013 về sau thì Tổ hợp tác mới quản lý phần diện tích đất của các bị đơn canh tác nên vào ngày 08-8-2011 Tổ hợp tác đại diện nông dân ký hợp đồng với ông X bơm tiêu cả diện tích đất của các bị đơn. Nay việc ông X khởi kiện yêu cầu các bị đơn và bà B, chị T liên đới trả tiền phục vụ bơm tiêu các vụ mùa Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 thì Tổ hợp tác không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này, do Tòa án xem xét giải quyết.

Theo lời trình bày của người làm chứng Nguyễn Văn T (nguyên Tổ trưởng Tổ hợp tác E ấp Đ, xã H) tại hồ sơ: Ông T cho rằng ông là người đại diện Tổ hợp tác E ký Hợp đồng bơm tiêu, tưới vụ 3 ngày 26-5-2008 với ông X thì không có diện tích đất của các bị đơn vì chưa vào Tổ hợp tác E, do đó ở các vụ mùa Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 diện tích đất các bị đơn canh tác Tổ hợp tác E không có quản lý, nên không biết, việc ông X khởi kiện thì Tòa án xem xét giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng nhận thấy: Việc ông Nguyễn Văn X khởi kiện các ông Phan Văn B, Phạm Tấn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Trần Văn N, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn C cùng liên đới với bà Ngô Thị B, bà Phan Thị T trả tiền bơm tiêu chống úng các vụ thu đông 2008, 2010, 2011 số tiền 59.051.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ:

Các bị đơn đều cho rằng họ có thỏa thuận việc bơm tiêu các vụ thu đông 2008, 2010, 2011 với bà B và bà T, sau mỗi vụ họ đã trả đủ tiền cho bà B vụ thu đông 2008, trả cho bà T vào vụ thu đông 2010, 2011.

Các ông Phan Văn B, Phạm Tấn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Trần Văn N, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn C đều khai rằng các vụ thu đông 2008, 2010, 2011 diện tích đất của họ chưa tham gia vào tổ hợp tác E ấp Đ và họ cũng không hợp đồng bơm tiêu chống úng với ông X vào các vụ mùa trên; lời trình bày của họ phù hợp với lời trình bày của ông X tại phiên tòa và phù hợp với lời khai của ông X tại các bút lục số 116, 117, 118 có trong hồ sơ vụ án.

Việc ông X cho rằng nước tiêu từ ruộng của các ông Phan Văn B, Phạm Tấn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Trần Văn N, Nguyễn Văn Đ,

Đặng Văn C chảy xuống bào đất sét nơi ông đặt trạm bơm tiêu nên ông là người phục vụ bơm nước ra các vụ thu đông 2008, 2010, 2011, nhưng ông không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Từ cơ sở phân tích trên, căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoan sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 21 tháng 6 năm 2016 và ngày 27 tháng 12 năm 2016 ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1950, địa chỉ: Ấp C, xã S, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp gửi đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, về việc kiện đòi tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra (bơm tiêu) đối với 10 bị đơn như nêu trên. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với các bị đơn là tranh chấp đòi lại tài sản trong hợp đồng dịch vụ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, và đã thụ lý giải quyết trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực (ngày 01-01-2017) nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 giải quyết vụ án; Việc các bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với khởi kiện của ông X: xét thấy ông X khởi kiện yêu cầu đòi tiền bơm rút nước ra trong hợp đồng dịch vụ, thì đây là kiện đòi tài sản, do đó không áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên ông X khởi kiện là phù hợp; Đối với những người bị đơn vắng mặt, nhưng họ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt không lý do, xét thấy phù hợp và họ đã có ý kiến, lời khai trực tiếp tại Tòa án có trong hồ sơ nên căn cứ vào các điều 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án; Đối với việc ông Nguyễn Văn X vào ngày 15-11-2016 có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi ông Phan Văn B trả phần tiền thủy lợi phí bơm nước ra ở vụ Thu Đông năm 2015 với số tiền là: 1.197.140 đồng, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ông X khởi kiện các bị đơn, bà B và chị T cùng liên đới trả tiền bơm rút nước ra (bơm tiêu) cho ông ở các vụ Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 là ông X căn cứ vào Hợp đồng bơm tiêu, tưới vụ 3 ngày 26-5-2008 và Hợp đồng bơm tiêu vụ thu đông ngày 08-8-2011, ngoài ra ông X cũng cho rằng diện đất của các bị đơn ở vùng cao nên nước đương nhiên đổ xuống vùng thấp mà vùng thấp là do ông X

ký hợp đồng rút nước ra, đồng thời ông X còn cho rằng được ông Trương Hoàng N là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H lúc bấy giờ cho phép thu tiền của những hộ dân chạy máy tư. Tuy nhiên theo lời trình bày của Tổ trưởng Nguyễn Văn Đ và nguyên Tổ trưởng Nguyễn Văn T của Tổ hợp tác E ấp Đ, xã H thì phần đất của các bị đơn trong những vụ Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 là chưa đưa vào diện tích của Tổ hợp tác E, nên Tổ hợp tác không quản lý và cũng không có đại diện ký hợp đồng bơm tiêu, tưới đối với diện tích đất của các bị đơn với ông X, việc này ông X đã thừa nhận từ khi khởi kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay. Ngoài ra theo Văn bản số: 32/UBND-VP ngày 23-02-2017 của Ủy ban nhân dân xã H trả lời theo yêu cầu của Tòa án thì Ủy ban nhân dân xã H cho rằng từ năm 2008 đến năm 2013 diện tích đất của các bị đơn chưa tham gia vào Tổ hợp tác E ấp Đ, việc bơm tưới và tiêu của diện tích đất các bị đơn vào khoảng thời gian trên là do bà B và chị T thực hiện và ông X cũng thừa nhận bà B, chị T có đặt máy bơm tưới và tiêu cho diện đất các bị đơn, đồng thời tại Hợp đồng bơm tưới tiêu vụ thu đông ngày 08-8-2011 (bút lục 79-80) mà Tổ hợp tác E ấp Đ ký kết với ông X, trong đó tại đoạn 5 của Điều 1 hợp đồng có ghi: "*Riêng khu vực của bà B bơm tưới thì tôi bơm tiêu với giá 140.000 đồng/1.000m^2/1 vụ. Kể từ vụ Thu Đông năm 2013*". Như vậy ở các vụ Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 là do bà B, chị T thực hiện việc bơm tưới và tiêu cho diện đất của các bị đơn, ông X chỉ bắt đầu hợp đồng thực hiện việc rút nước ra cho diện tích đất của các bị đơn là kể từ vụ Thu Đông năm 2013. Từ đó thấy rằng yêu cầu của ông X là không có cơ sở, nên không chấp nhận.

Đối với lý lẽ của ông X cho rằng đất của các bị đơn ở trên cao thì nước đương nhiên đổ xuống bào đất sét nơi ông X đặt trạm bơm tiêu, do đó các bị đơn và bà B, chị T phải trả tiền cho ông X và ông X còn cho rằng ông Trương Hoàng N cho phép ông X được thu. Xét thấy tại biên bản giải quyết các chủ bơm tư nhân ngày 01-8-2008 (bản phô tô do ông X cung cấp, bút lục số 69) do ông Trương Hoàng N – Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân xã H lúc bấy giờ chủ trì thì ghi có mặt bà Ngô Thị B, nhưng cuối cùng không có bà B ký tên, nên không thể nói rằng bà B đồng ý giao cho ông X phục vụ rút nước ra diện đất của các bị đơn, vả lại ở cuộc giải quyết trên không có sự tham gia của các bị đơn, mà việc đồng ý thuê ai rút nước ra là do quyền quyết định của các bị đơn mới đúng, bà B không có quyền đó, vì vào thời điểm này diện đất của các bị đơn chưa đưa vào sự quản lý của Tổ hợp tác E (như xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H nêu trên), nên lý lẽ này là không có cơ sở xem xét; Đối với lý lẽ ông X cho rằng đất của các bị đơn ở trên vùng cao nước tiêu đương nhiên đổ xuống vùng thấp nơi bơm rút nước của ông X thì lại càng không có cơ sở, vì như nhận định ở trên là diện đất các bị đơn, ông X không ký hợp đồng bơm tiêu với họ, thì ông X mới là người bảo vệ quyền lợi cho ông X, làm thế nào không cho nước từ ruộng các bị đơn đổ xuống, còn việc nước từ ruộng các bị đơn có đổ xuống nơi ông X bơm rút nước hay không thì ông X không có chứng cứ chứng minh.

[3]. Đối với việc nhận và trả tiền bơm tiêu ở các vụ Thu Đông năm 2008, 2010, 2011 giữa các bị đơn với bà B, chị T không có tranh chấp, nên không giải quyết.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì tiếp tục áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trong vụ án này ông X là người không được chấp nhận yêu cầu và tổng giá trị yêu cầu là: 59.051.020 đồng, nên ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 59.051.020 đồng x 5% = 2.952.551 đồng (lấy tròn 2.952.500 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 227, 229 và điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 256, 518 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X, về việc yêu cầu ông Phan Văn B trả thủy lợi phí bơm rút nước ra (bơm tiêu) với số tiền là 1.197.140 đồng của vụ Thu Đông năm 2015. Ông Nguyễn Văn X được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần yêu cầu này theo quy định.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn X, về việc đòi các bị đơn Phan Văn B, Phạm Tấn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Trần Văn N, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn C và bà Ngô Thị B, chị Phan Thị T liên đới trả tiền bơm rút nước ra (bơm tiêu) ở các vụ Thu Đông năm 2008, 2010, 2011.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn X phải chịu 2.952.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông X đã nộp (do Nguyễn Thị T nộp thay) là 1.631.500 đồng tại các biên lai thu số: BM/2012 036238; BM/2012 036239; BM/2012 036240; BM/2012 036241; BM/2012 036242; BM/2012 036243; BM/2012 036244; BM/2012 036245 đều cùng ngày 28-6-2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Văn X còn phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 1.321.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

- Các đương sự khác trong vụ án không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25-7-2017). Riêng các bị đơn Phạm Tấn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Trần Văn N, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn C đều có đơn xin xét xử vắng mặt thì được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự:
- VKSND huyện Tân Hồng;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách